

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 8 -2025
“V/v tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH KHU VỰC 10 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Kim Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kiên Ngọc Trương

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng Vân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, về việc “*Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long)

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn M**, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khóm D, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã L, thành phố T (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày và yêu cầu như sau:*

Vào năm 2010 bà và ông Lê Văn M được sự chấp thuận của 02 bên gia đình tổ chức lễ cưới và đến năm 2014 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường

E1, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Sau kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình ông M tại khóm D, phường E, thành phố T. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tuy nhiên, đến tháng 01 năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được, thường xuyên cự cãi nguyên nhân là do ông Lê Văn M không có chí thú làm ăn, không chăm lo cuộc sống vợ con. Và từ tháng 01/2021 bà đã dọn về nhà cha mẹ ruột tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh sinh sống cho đến nay. Mặc dù, bà và ông M đã cố gắng nhiều lần ngồi lại với nhau nhằm hòa giải mỗi bất đồng trong cuộc sống để cùng nhau làm ăn lo cho tương lai, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Hiện nay mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, cả hai bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn M.

Về con chung: bà và ông M có 02 con chung tên Lê Văn N, sinh ngày 29/4/2010 và Lê Văn Nhạc E, sinh ngày 03/7/2017. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con Lê Văn Nhạc E, sinh ngày 03/7/2017 và không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Lê Văn N, sinh ngày 29/4/2010 hiện đang sinh sống với ông M nên bà đồng ý giao cho ông M tiếp tục nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lê Văn M vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2025 ông M trình bày và yêu cầu như sau:*

Về hôn nhân: ông và bà Huỳnh Thị L chung sống với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E1, thành phố T. Trong quá trình chung sống ông và bà L có hai con chung tên Lê Văn N, sinh ngày 29/4/2010 và Lê Văn Nhạc E, sinh ngày 03/7/2017. Ông thừa nhận từ năm 2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau và hiện tại bà M đã dẫn con Lê Văn N Em về nhà cha mẹ ruột tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh để sinh sống cho đến nay. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M.

- Về con chung: Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Văn N, sinh ngày 29/4/2010 và không yêu cầu và L phải cấp dưỡng nuôi con. Về con chung Lê Văn Nhạc E, sinh ngày 03/7/2017 ông đồng ý giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Con chung cháu Lê Văn N trình bày và có yêu cầu như sau:* cháu là con của mẹ Huỳnh Thị L và cha Lê Văn M. Sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống chung với cha Lê Văn M.

** Con chung cháu Lê Văn N Em trình bày và có yêu cầu như sau:* cháu là con của mẹ Huỳnh Thị L và cha Lê Văn M. Sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ Huỳnh Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà L, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà L và ông M tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E1, thành phố T, tỉnh Trà Vinh nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông M là hợp pháp.

Tuy nhiên trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà L và ông M có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân và hai bên thống nhất thuận tình ly hôn với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, qua lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân của bà L và ông M không thể hàn gắn do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ lo bốn phận người đó, bỏ mặt nhau sống sao thì sống, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ.

[3] Về con chung: bà L và ông M có 02 con chung tên Lê Văn N, sinh năm 29/4/2010 và Lê Văn Nhạc E, sinh ngày 03/7/2017. Bà L cho rằng con chung Lê Văn N đang sống chung với ông M nên đồng ý giao cho ông M. Đối với con chung Lê Văn Nhạc E hiện đang sống chung với bà L nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi.

Xét thấy, cháu Lê Văn Nhạc E hiện đang sống chung với bà L và bà L vẫn đảm bảo nuôi dạy con tốt. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con tên Lê Văn N Em cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Văn N Em.

Đối với cháu Lê Văn N hiện đang sống chung với ông M và từ trước đến nay ông M vẫn đảm bảo nuôi dạy con tốt, cháu Lê Văn N cũng có nguyện vọng được sống chung với ông M. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông M, giao con tên Lê Văn N cho ông M tiếp tục nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cho bà L và ông M biết về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng bà L và ông M không đưa ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình nuôi con, nếu có phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì theo quy định tại Điều 119 Luật hôn

nhân gia đình, vì bảo vệ quyền lợi của các con chung, bà L và ông M có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong một vụ kiện khác.

[4] Về tài sản chung: bà L và ông M không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: bà L và ông M khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: bà L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị L và ông Lê Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Văn N, sinh ngày 29/4/2010 cho ông Lê Văn M được tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung tên Lê Văn Nhạc E, sinh ngày 03/7/2017 cho bà Huỳnh Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Huỳnh Thị L và ông Lê Văn M không đưa ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào bà L và ông M có yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì được quyền khởi kiện trong một vụ kiện khác.

3. Về tài sản chung: bà Huỳnh Thị L và ông Lê Văn M không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: bà Huỳnh Thị L và ông Lê Văn M khai không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã tại biên lai thu tiền số: 0001335 ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10) nên bà L không phải nộp thêm.

6. Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 10;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Kim Triều

